

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 282/2019/DS-PT

Ngày 10/4/2019

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trí

Các Thẩm phán:

1

2

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 679/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp tranh chấp hợp đồng dịch vụ;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 500/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2019/QĐXXPT-DS ngày 24/01/2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn BX, xã ĐƠ, huyện BGM, tỉnh BP (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Thanh H**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ N, ấp MA, xã TTT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồ Thị L, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Thôn BX, xã ĐƠ, huyện BGM, tỉnh BP (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và trình bày của các đương sự nội dung vụ án như sau:

Ngày 04/12/2016, bà Trần Thị N và ông Phạm Thanh H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý về việc ông Phạm Thanh H sẽ tiến hành làm đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất cho bà Hồ Thị L với ông Khuru Văn B; bổ túc hồ sơ gửi Tòa án cấp cao, làm việc với Viện kiểm sát các cấp đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 02/2016/HNST ngày 02/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện BGM, tỉnh BP và Bản án phúc thẩm số 12/2016/HNPT ngày 08/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh BP; tham gia thi hành án; đề nghị số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền thu hoạch hạt điều năm 2015 trên đất của bà Hồ Thị L và số tiền bán bộ bàn ghế 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng); giá hợp đồng dịch vụ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 09/12/2016, ông Phạm Thanh H đã nhận của bà N 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để thực hiện hợp đồng. Ông H cam kết nếu vụ án không thành công thì sẽ trả lại tiền cho bà N. Bà N cho rằng: Sau khi nhận tiền ông H không thực hiện đúng theo trong hợp đồng. Cơ quan Thi hành án đã cưỡng chế thi hành án vào ngày 21/9/2017.

Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh H trả lại 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đã nhận theo biên nhận tiền ngày 09/12/2016 và yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016.

Quá trình hoà giải tại cấp sơ thẩm và tại phiên Tòa phúc thẩm ông Phạm Thanh H xác nhận:

Ngày 04/12/2016, ông H ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với bà Trần Thị N với nội dung như bà N trình bày. Ngày 09/12/2016, ông H đã nhận trước của bà N số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại bà N sẽ giao trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 06/12/2016, bà N và bà Hồ Thị L (mẹ bà N) đã ủy quyền cho ông H để thực hiện các công việc đã thoả thuận theo hợp đồng. Cụ thể, ông H đã tiến hành nộp đơn tranh chấp và liên hệ Ủy ban nhân dân xã ĐỒ, huyện BGM, tỉnh BP, Chi cục Thi hành án huyện BGM, Tòa án nhân dân huyện BGM, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án phúc thẩm số 12/2016/HNPT ngày 08/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh BP. Trong quá trình giải quyết tranh chấp từ cấp xã cho đến Tòa án cấp huyện, ông đã đi lại nhiều lần liên hệ với Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi đơn yêu cầu giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Việc Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát cấp cao không kháng nghị giám đốc thẩm được là do khách quan. Nếu bà N, bà L không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ ngày 04/12/2016, ông H đồng ý hủy hợp đồng và trả

lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) ông H đã chi phí cho việc đi lại thực hiện hợp đồng.

Bà Hồ Thị L cho rằng:

Bà là mẹ ruột của bà Trần Thị N. Theo hợp đồng dịch vụ ngày 04/12/2016 giữa bà N và ông H thì ông H đại diện cho bà N để thực hiện các nội dung như bà N và ông H đã trình bày. Ông H đã nhận trước số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để thực hiện hợp đồng.

Tuy nhiên, ông H không thực hiện được việc đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên dẫn đến Cơ quan Thi hành án đã cưỡng chế thi hành án vào ngày 21/9/2017. Bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 500/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Thanh H phải trả cho bà Trần Thị N số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 09/12/2016 để thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

3. Hủy hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016 giữa ông Phạm Thanh H với bà Trần Thị N.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2018, ông Phạm Thanh H gửi đơn kháng cáo yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016 giữa ông Phạm Thanh H với bà Trần Thị N.

Tại phiên Tòa, bà Trần Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông Phạm Thanh H giữ nguyên kháng cáo; Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kháng cáo của ông Phạm Thanh H không có cơ sở đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Thanh H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 22/11/2018, ông H được tổng đạt bản án. Ngày 06/12/2018, ông Phạm Thanh H gửi đơn kháng cáo. Như vậy, đơn kháng cáo của ông H gửi trong hạn luật định hợp pháp theo quy định tại Điều 273, 276 Bộ Luật tố Tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Phạm Thanh H:

Xét thấy, bà Trần Thị N và ông Phạm Thanh H đều thừa nhận ký hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016 với nội dung công việc như sau: Ông H sẽ tiến hành làm đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất cho bà Hồ Thị L với ông Khuru Văn B; bổ túc hồ sơ tại Tòa án cấp cao và Viện kiểm sát các cấp đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 12/2016/HNPT ngày 08/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh BP; tham gia thi hành án đề nghị giám sát phần lợi nhuận trên tài sản ông Khuru Văn B đang quản lý; đề nghị số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) thu hoạch hạt điều năm 2015 trên đất của bà Hồ Thị L ... giá thực hiện dịch vụ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 09/12/2016, ông Phạm Thanh H đã nhận số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ông Phạm Thanh H cho rằng: Sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016, căn cứ giấy uỷ quyền của bà N và bà L, ông H đã tiến hành nộp đơn tranh chấp và liên hệ Ủy ban nhân dân xã ĐƠ, huyện BGM, tỉnh BP, gửi đơn hoãn thi hành án tại Chi cục Thi hành án huyện BGM. Trong quá trình giải quyết tranh chấp từ cấp xã đến tòa án cấp huyện, ông đã đi lại nhiều lần liên hệ với Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi đơn yêu cầu giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên. Việc Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát cấp cao không kháng nghị giám đốc thẩm được là do khách quan.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Biên bản giao nhận hồ sơ thi hành án ngày 09/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BGM, biên bản giao nhận đơn ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện BGM, giấy biên nhận về việc nộp đơn xin hoãn thi hành án ngày 28/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh BP, biên nhận nộp đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ... cho thấy ông H đã thực hiện một số công việc theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016. Ngày 09/12/2016, ông Phạm Thanh H đã nhận của bà N 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng để thực hiện hợp đồng và cam kết nếu vụ án không thành công thì sẽ trả lại tiền cho bà N.

Trên cơ sở công việc đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét công sức và chi phí đi lại của ông H từ đó chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phạm Thanh H phải trả cho bà Trần Thị N số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là đúng căn cứ và bảo đảm quyền lợi của cả hai bên đương sự. Do đó, kháng cáo của ông Phạm Thanh H không được chấp nhận.

Ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518, Điều 519 và Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Thanh H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 500/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

- Buộc ông Phạm Thanh H phải trả cho bà Trần Thị N 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 09/12/2016 để thực hiện Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

5. Hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/12/2016 giữa bà Trần Thị N và ông Phạm Thanh H không còn giá trị pháp lý.

Kể từ ngày bà Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Thanh H chưa thi hành án trả tiền thì ông H phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo Lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

- Ông Phạm Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu) đồng và án phí phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên số 0033698 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Hoàn lại cho bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0032028 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND huyện C;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Trí